

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN



(Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103006087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/02/2007 và thay đổi lần 1 ngày 17/11/2008)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký giao dịch số...../ĐKGD do..... cấp ngày tháng..... năm)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản

Địa chỉ: 30 Hàm Nghi, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84-8-3872 9751

Fax: 84-8-822 3142

Website: www.seameco.com.vn

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 04.7737070/ 2717171

Fax: 04.7739058

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 31 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn
Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí
Minh

Điện thoại: 08.6290 8686 Fax: 08.6290 0607

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

Địa chỉ: 124 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận
Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3553666 Fax: 0511.355

3888

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên : Bùi Thị Tuyết Mai

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Điện thoại: 08. 3872 9751

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103006087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/02/2007 và thay đổi lần 1 ngày 17/11/2008)

**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Công Nghiệp Thủy sản
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng đăng ký giao dịch	4.200.000 cổ phiếu.
Tổng giá trị đăng ký giao dịch (theo mệnh giá)	42.000.000.000 (Bốn mươi hai tỷ đồng)

1. Tổ chức cam kết hỗ trợ**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)**

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 04.7737070/ 2717171 Fax: 04.7739058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi Nhánh Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 31 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08. 6290 8686 Fax: 08. 6291 0607

2. Tổ chức kiểm toán**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Đất Việt (Vietland)**

Địa chỉ: Số 2 Huỳnh Khương Ninh, Phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3910 5401 Fax: 08 3910 5402

Website: www.vietlandaudit.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	6
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	6
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	7
V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	37
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	38
VII. PHỤ LỤC.....	38
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	38
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty.....	38
3. Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2008,2009, Báo cáo tài chính 6T/2010.....	38
5. Phụ lục IV: Hợp đồng cam kết hỗ trợ thông tin.....	38
6. Các phụ lục khác.....	38

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Năm 2009, nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm thu hẹp đáng kể thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế-xã hội khác của nước ta.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam trong năm 2004 là 7,70%, năm 2005 là 8,40%, năm 2006 là 8,17%, năm 2007 là 8,48%, năm 2008 là 6,23% và năm 2009 tốc độ tăng trưởng của GDP Việt Nam 5,32%, đây được coi là tốc độ tăng trưởng tương đối cao trong bối cảnh hết sức khó khăn của nền kinh tế thế giới đang trong giai đoạn khủng hoảng toàn cầu.

Đối với ngành công nghiệp đóng tàu, tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu khiến cho kỳ vọng về nhu cầu vận tải trong tương lai bị đảo lộn. Với nhu cầu vận tải giảm sút, dẫn đến nhu cầu sử dụng tàu thuyền cũng giảm theo, mặt khác do suy giảm kinh tế nên các ngân hàng thắt chặt tín dụng, do đó, việc cấp vốn cho các hợp đồng đóng tàu rất khó khăn. Các công ty đóng tàu sẽ rất thiếu vốn để thực hiện hợp đồng đã và sẽ ký kết làm nguy cơ hủy bỏ hợp đồng đóng mới là rất cao.

2. Rủi ro luật pháp

Là doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các luật, nghị định... liên quan đến chương trình cổ phần hóa, Luật Doanh nghiệp và các Luật các có liên quan như Luật Thuế, Luật chứng khoán, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các quy định pháp luật này đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, hệ thống luật pháp trong nước cũng chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện, việc thực thi chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là sự thay đổi các qui định, chính sách liên quan đến ngành chế tạo thiết bị thủy sản.

Tuy nhiên, với đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm, Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản luôn có những phương án quản trị rủi ro pháp lý hữu hiệu để thích ứng tốt tới những rủi ro pháp lý như trên.

3. Rủi ro đặc thù

Ngành đóng mới và sửa chữa tàu thuyền là một trong những ngành công nghiệp đòi hỏi kỹ thuật cao. Quy trình sản xuất phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật của Cục đăng kiểm và các qui định hiện hành trong ngành cơ khí tàu thủy. Do vậy, bất cứ công đoạn sản xuất nào không tuân thủ các qui định này đều gây ra những thiệt hại đáng kể cho Công ty.

Hiện nay, để nâng cao chất lượng, uy tín trong các sản phẩm, dịch vụ mà Seameco cung cấp tới khách hàng thì các công đoạn sản xuất kinh doanh chính của Seameco (từ thiết kế, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, lắp ráp máy phát điện, máy bơm, kinh doanh vật tư hàng hóa, đến cung cấp

dịch vụ cảng) đều tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn qui định trong hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 nên các lỗi xảy ra đối với các sản phẩm dịch vụ của Seameco là rất hạn chế.

4. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu, linh kiện, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, kinh tế, xã hội trên thế giới làm cho thị trường bị giám sát và các thị trường tiềm năng mất ổn định. Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tổ chức đăng ký giao dịch: Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản

Ông Nguyễn Hữu Lộc Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Bùi Thị Tuyết Mai Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Tân Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Tổ chức cam kết hỗ trợ: Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS) – Chi nhánh TPHCM

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đỗ Tuân

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

Giấy ủy quyền 143-2007/QĐ/NS/FPTS ngày 9/11/2007

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty cổ phần chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy Sản cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty : Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản

Seameco : Tên viết tắt của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản

BGD : Ban Giám đốc

CBCNV : Cán bộ công nhân viên

Điều lệ Công ty : Điều lệ của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Thông tin chung về Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản

Tên công ty *Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản*

Biểu tượng



Người đại diện Ông Nguyễn Hữu Lộc

Trụ sở 30 Hàm Nghi, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại 84-8- 3822 2709

Fax 84-8- 3822 3142

Website www.seameco.com.vn

1.2 Quá trình hình thành phát triển

Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản (Seameco) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 532/QĐ-BTS ngày 30/6/2006 của Bộ Thủy Sản. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/2/2007 và thay đổi lần 1 ngày 17/11/2008.

• ***Quá trình hình thành và phát triển của Công ty thể hiện qua các mốc lịch sử sau:***

- 1984: Thành lập Chi nhánh Cơ khí Thủy sản III.
- 1987: Chính thức thành lập Công ty Cơ khí Thủy sản III.
- 1993: Thành lập lại doanh nghiệp nhà nước Công ty Cơ khí Thủy sản III.
- 2000: Đổi tên thành Công ty Cơ khí Thủy sản, trực thuộc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông.
- 2002: Đổi tên thành Công ty Công nghiệp Thủy sản.
- 2007: Công ty chuyển thành công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản với vốn điều lệ là 22 tỷ đồng.
- 2008: Công ty phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 22 tỷ đồng lên 33 tỷ đồng
- 2009: Công ty phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 33 tỷ đồng lên 42 tỷ đồng

• ***Nghành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy Sản***

- Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản, đóng mới, sửa chữa, thiết kế tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite và sản xuất các sản phẩm từ composite.

- Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu đắm.
- Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí, phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyển và các sản phẩm từ composite, thủy sản, hàng may mặc.
- Cung ứng vật tư
- Công nghiệp thực phẩm, sản xuất nước đá
- Kinh doanh dịch vụ cầu cảng
- Khai thác, chế biến, kinh doanh thủy sản và vận tải (thủy và bộ)
- Dịch vụ cưa xẻ, chế biến gỗ
- Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu
- Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao, hàng nông sản
- Kinh doanh kho hàng, bến bãi
- Sản xuất, buôn bán, sửa chữa, lắp ráp, bảo trì động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành xây dựng
- Sản xuất, bán buôn nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- Bán buôn hóa chất.

1.3 Quá trình tăng vốn

Diễn biến tăng vốn điều lệ của công ty từ ngày thành lập Công ty đến nay

Thời gian	Cơ sở pháp lý	Vốn tăng thêm (1.000 VND)	Vốn điều lệ (1.000 VND)	Nguồn tăng
12/2/2007	Chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 532/QĐ-BTS ngày 30/6/2006 của Bộ Thủy Sản		22.000.000	Chuyển đổi sang cổ phần hóa
31/10/2008	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 151/HĐQT-CNTS ngày 21/4/2008	11.000.000	33.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
15/12/2009	Nghị quyết ĐHĐCĐ 169/NQ-CNTS ngày 9/5/2009 và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 1 số 261/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2009	9.000.000	42.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy Sản

Thông tin chi tiết của từng đợt phát hành:

- + Đợt phát hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 151/HĐQT-CNTS ngày 21/4/2008
- Số lượng phát hành: 1.100.000 cổ phần
- Đối tượng phát hành: Cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:0,7 (cứ sở hữu 2 cổ phần thì được quyền mua 0,7 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 10 300 đồng/cổ phần

Do Công ty mới trở thành công ty đại chúng nên các qui định liên quan đến việc phát hành chưa được Công ty nắm rõ nên đợt phát hành này Công ty không báo cáo UBCK.

+ Đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 33 tỷ lên 42 tỷ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 169/NQ-CNTS ngày 9/5/2009 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 số 261/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2009

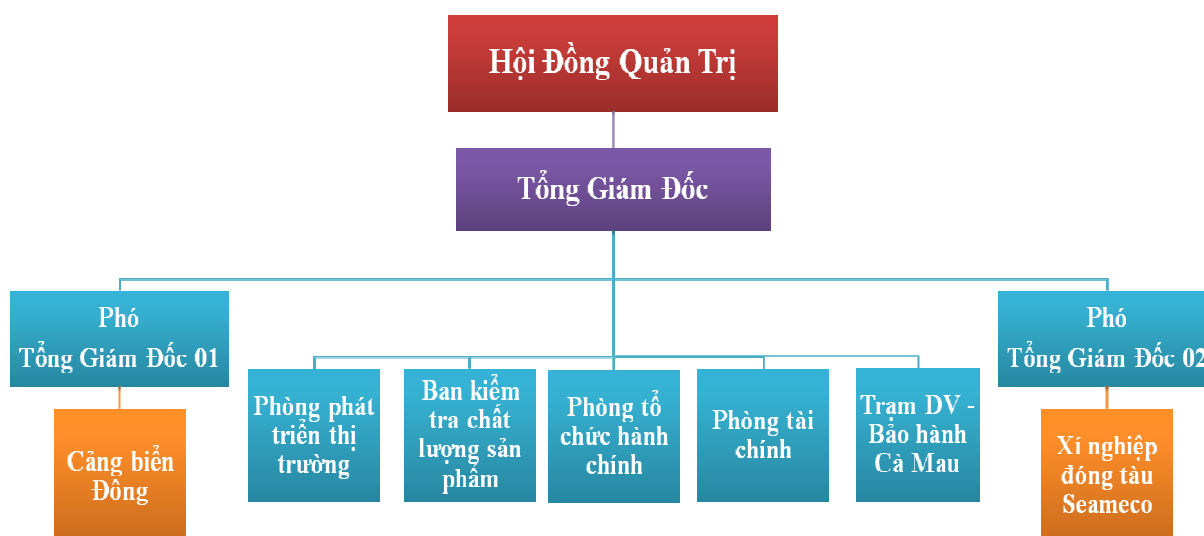
- Số lượng phát hành: 900.000 cổ phần
- Đối tượng phát hành: Cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1: 0,284 (cứ sở hữu 1 cổ phần thì được quyền mua 0,284 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 10 300 đồng/cổ phần

Công ty đã hoàn thiện các hồ sơ thủ tục, nộp đầy đủ các báo cáo về đợt tăng vốn theo yêu cầu cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và đã được Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 448/UBCK-GCN cho Công ty vào ngày 6/11/2009.

2. Cơ cấu tổ chức của Seameco

Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại Luật doanh nghiệp 2005, tuân thủ các quy định pháp luật khác và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Cơ cấu tổ chức của Công ty được trình bày như sơ đồ dưới đây.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức



Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các phòng ban, bộ phận khác được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy chế, nội quy khác của Công ty cụ thể như sau:

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên trong đó có một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là hai (02) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại điều lệ Công ty

Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị. Các Phó Tổng Giám đốc là những người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trong phạm vi công việc của mình trước Tổng Giám đốc.

Phòng phát triển thị trường:

Phòng phát triển thị trường có nhiệm vụ phát triển khách hàng, kinh doanh khai thác buôn bán hàng hoá và các dịch vụ khác, quản lý và điều hành công tác thị trường.

Phòng kiểm tra chất lượng:

Chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng hàng hóa đầu vào và đầu ra đảm bảo vật tư, hàng hóa đạt tiêu chuẩn chất lượng mà Công ty đề ra.

Phòng tổ chức hành chính:

Là bộ phận nghiệp vụ quản lý các công việc hành chính cho Công ty như quản lý công văn, tài liệu, công tác công nghệ thông tin, tổ chức thực hiện các cuộc hội họp định kỳ và đột xuất, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc Công ty.

Phòng tài chính:

Thực hiện việc ghi chép, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định hiện hành, đảm bảo tính trung thực, khách quan, lập các Báo cáo theo yêu cầu quản trị của Ban Giám đốc, cung cấp thông tin, tư vấn tài chính trong việc ra quyết định của Ban Giám đốc.

Trạm Dịch vụ-Bảo hành Cà Mau

Giao dịch và bảo hành máy hon da, cung ứng, lắp đặt máy móc thiết bị, phụ tùng hàng hải các loại; ngư lưới cụ và các dịch vụ hậu cần nghề cá, sản xuất kinh doanh sản phẩm từ vật liệu composite. Cung ứng và bảo hành bình acquy, bồn nước các loại, các sản phẩm từ nhựa.

Cảng Biển Đông

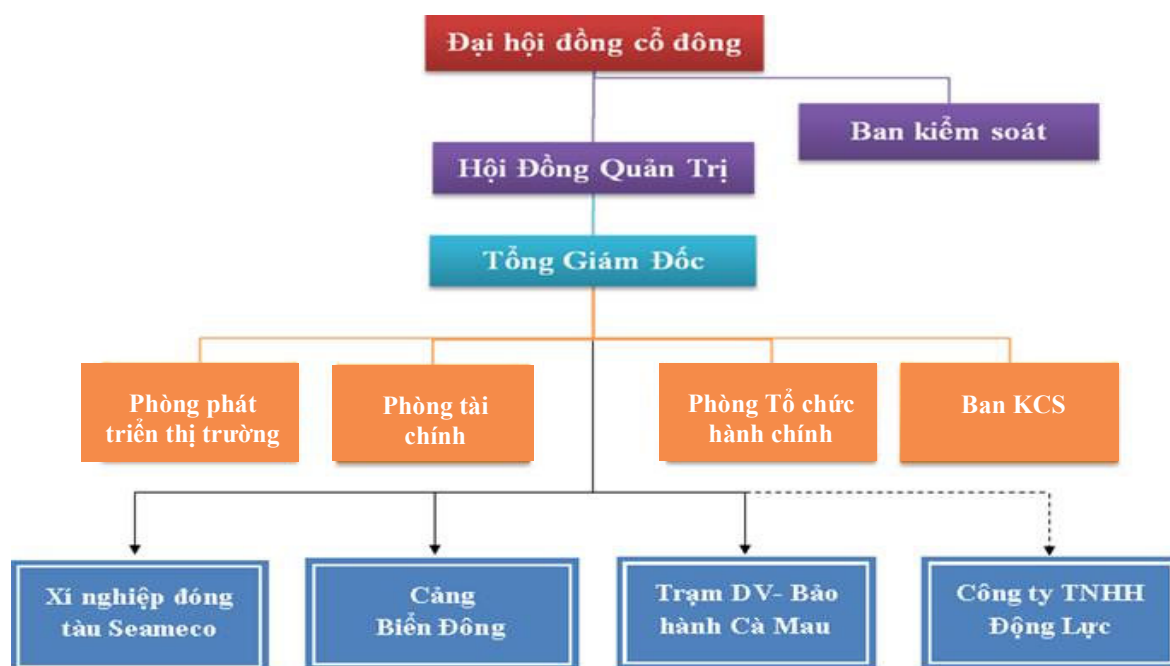
Kinh doanh dịch vụ cầu cảng, kho bãi: cung cấp điện nước, xăng dầu cho tàu, xếp dỡ hàng qua cảng, cho thuê cầu tàu và kho bãi.

Xí nghiệp đóng tàu Seameco

Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, gia công cơ khí, gia công lắp dựng kết cấu thép. Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu composite...

3. Cơ cấu quản lý của Seameco

Sơ đồ: Cơ cấu quản lý của Công ty



Các đơn vị thành viên:

- * Xí nghiệp đóng tàu Seameco: đóng mới, sửa chữa các loại canô, tàu du lịch, tàu kiểm ngư, tàu đánh cá, tàu chở hàng, phà, các phương tiện nổi bằng vật liệu composite, thép.
- * Cảng Biển Đông: cung ứng các dịch vụ bốc xếp, giao nhận, dịch vụ kho bãi, dịch vụ cầu Cảng, cung cấp dầu, điện nước phục vụ cho tàu cập cảng.
- * Trạm Dịch vụ-Bảo hành Cà Mau: bảo hành, cung ứng, lắp đặt máy móc thiết bị, phụ tùng hàng hải các loại; ngư lưới cụ và các dịch vụ hậu cần nghề cá, sản xuất kinh doanh sản phẩm từ vật liệu composite. Cung ứng và bảo hành bình acquy, bồn nước các loại, các sản phẩm từ nhựa.
- * Công ty TNHH Động lực: lắp ráp và cung cấp các loại máy động lực như: máy nổ, máy phát điện, máy bơm, phụ tùng các loại phục vụ cho nông ngư nghiệp.

4. Danh sách và cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ tại thời điểm 14/4/2010

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Giá trị (1.000 VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Hải Sản Biển đông.	30-32 Hàm Nghi, Q1, Tp.HCM	1.947.000	19.470.000	46,36
	Đại diện: Nguyễn Hữu Lộc	33/9 Điện Biên Phủ, P15, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM			
2	Công ty cổ phần Biển Tây	141 Đường D3, phường 25, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM	352.194	3.521.940	8,39
3	Trần Vũ Dũng	51/35 Lương Ngọc Quyến, P5, Q Gò Vấp, Tp.HCM	303.518	3.035.180	7,23

(Nguồn : Seameco)

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, trong vòng ba năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 12/2/2007 đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng.

4.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 14/4/2010

Stt	Cổ đông	Số lượng (CP)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ
1.	Cổ đông trong nước	4.064.700	40.647.000.000	96,79
	+ Tổ chức	2.337.195	23.371.950.000	55,64
	+ Cá nhân	1.727.505	17.275.050.000	41,13
2.	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	+ Tổ chức	-	-	-
	+ Cá nhân	-	-	-
3.	Cổ phiếu quỹ	135.300	1.353.000.000	3,23
	Cộng	4.200.000	42.000.000.000	100

(Nguồn : Seameco)

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký chào bán, những công ty mà tổ chức đăng ký chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký chào bán**

Không có

6. **Hoạt động kinh doanh**

6.1 **Sản phẩm/ Dịch vụ**

Seameco hoạt động kinh doanh đa ngành nghề theo giấy phép đăng ký kinh doanh: Sản xuất đóng sửa tàu thuyền, dịch vụ cảng- kho bãi, kinh doanh máy móc nông ngư cơ, kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản – gia súc, kinh doanh sắt thép...Hiện nay, doanh thu từ hoạt động thương mại chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu doanh thu (năm 2009 chiếm 84%).

Doanh thu qua các năm của Seameco liên tục tăng cao. Năm 2008 tăng so với năm 2007 là 52%. Năm 2009 tăng 17,8% so với năm 2008.



Một số sản phẩm của Seameco

Tỷ trọng sản phẩm dịch vụ qua các năm trên tổng doanh thu

Đơn vị tính: 1.000 VND

Nhóm hàng	Năm 2008		Năm 2009		6T/2010	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng	250.041.364	76,66%	322.708.943	84,00%	155.720.055	91,21%
Doanh thu đóng sửa tàu thuyền	57.528.630	17,64%	45.390.059	11,82%	8.952.554	3,55%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.576.381	5,70%	16.041.359	4,18%	6.065.927	5,24%
Cộng	326.146.375	100,00%	384.140.361	100,00%	170.738.536	100,00%

(Nguồn: BCKT năm 2008, 2009, BCTC 6T/2010)

6.2 **Nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động đóng, sửa tàu thuyền chủ yếu là thép tấm, vật liệu composite. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu từ nguồn trong nước và nhập khẩu và được đánh giá là khá ổn định. Nguyên vật liệu sử dụng vào sản xuất được dự toán cho từng đơn hàng và

được xem xét kỹ trước khi thực hiện nên dù giá vật liệu đầu vào trên thị trường có biến động nhưng chi phí vật liệu mua vào của Công ty ít ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ.

6.3 Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí sản xuất trên doanh thu

Đơn vị tính: 1.000 VND

Loại chi phí	Năm 2008		Năm 2009		6T/2010	
	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
Giá vốn hàng bán	293.860.803	90,10%	354.166.893	92,20%	156.100.166	91,43%
Chi phí bán hàng	1.432.538	0,44%	1.579.561	0,41%	2.479.627	1,45%
Chi phí quản lý DN	5.902.967	1,81%	7.286.853	1,90%	1.442.204	0,84%
Chi phí tài chính	16.936.376	5,19%	12.386.793	3,22%	8.262.178	4,84%
Tổng	318.132.684	97,54%	375.420.100	97,73%	168.284.175	98,57%

(Nguồn: BCKT năm 2008, 2009, BCTC 6T/2010)

6.4 Trình độ công nghệ

- Trong công nghiệp đóng tàu và sửa chữa tàu thủy Seameco đã đi đầu trong việc áp dụng những công nghệ mới so với các đơn vị trong cùng ngành. Công ty đã triển khai cắt tole bằng thiết bị cắt CNC, dùng máy siêu âm đo tole và kiểm tra đường hàn và sử dụng vật liệu Composite để đóng hàng loạt tàu có chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước.
- Các quy trình sản xuất áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 và các tiêu chuẩn kỹ thuật của Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành.

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Seameco hiện đang nghiên cứu thiết kế và chế tạo thử trên tàu cánh ngầm bằng vật liệu Composite dùng trong ngành thủy sản và du lịch theo hợp đồng Khoa học – Công nghệ số 14/2004/HĐ-KH-CN của Bộ Khoa học Công nghệ ngày 23/08/2004.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hệ thống quản lý chất lượng của tất cả các hoạt động kinh doanh của Seameco đều tuân thủ Quy trình chất lượng. Tiêu chuẩn chất lượng mà Seameco đang áp dụng là tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

6.7 Hoạt động Marketing

- Chính sách sản phẩm, dịch vụ:

Seameco mong muốn và nỗ lực mang lại cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ với chất lượng tốt nhất, đáp ứng được tối đa nhu cầu sử dụng của khách hàng.

- *Chính sách giá cả:*

Seameco đưa ra chính sách giá phù hợp để vừa cạnh tranh vừa hiệu quả. Giá của từng sản phẩm, dịch vụ cũng được xem xét và đưa ra hợp lý đối với từng loại đối tượng khách.

- *Chính sách khách hàng:*

Seameco đang không ngừng hoàn thiện các chính sách để phục vụ khách hàng với chất lượng tốt nhất nhằm duy trì các khách hàng cũ đồng thời tìm kiếm thêm các khách hàng mới.

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



Seameco đã đăng ký Logo và tên Công ty theo Quyết định số A6423/QĐ-ĐK và Giấy chứng nhận đăng ký chứng nhận số 57146 ngày 16/09/2004.

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết năm 2010

	Số hợp đồng	Tên khách hàng	Ngày ký hợp	Giá trị (VND)
1	312/CPCNTS-XN-2009	Công ty TNHH-TM & SX Dầu Thực vật Minh Huê	09/12/2009	714.292.436
2	310/CPCNTS-XN/2009	Cty Cp XNK Đầu tư Tổng hợp và Hợp Tác Quốc Tế	09/12/2009	939.821.685
3	271/CPCNTS-HĐ	Công An Bà Rịa-Vũng Tàu	03/11/2009	3.754.686.968
4	31/CNTS-BT/HĐMB	Cty Cổ Phần Biển Tây	30/01/2010	4.837.757.400
5	55/CNTYS-BT/HĐMB	Cty Cổ Phần Biển Tây	26/02/2010	2.408.408.100
6	56/CNTS-Aqua/HĐMB	Công ty Cổ phần Aquafeed Cửu Long	05/03/2010	2.797.458.300
7	49/CNTS-Aqua/HĐMB	Công ty Cổ phần Aquafeed Cửu Long	27/02/2010	1.901.958.975
8	46/CNTS-Aqua/HĐMB	Công ty Cổ phần Aquafeed Cửu Long	22/02/2010	2.965.844.700
9	45/CNTS- Aqua/HĐMB	Công ty Cổ phần Aquafeed Cửu Long	22/02/2010	3.114.279.525
10	36/CNTS- Aqua/HĐMB	Công ty Cổ phần Aquafeed Cửu Long	05/02/2010	3.012.814.875

(Nguồn: Seameco)

7. Kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD của Công ty trong 2 năm gần nhất

Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD

Đơn vị : 1.000 VND

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng (giảm) 09/08
Tổng giá trị tài sản	179.884.266	247.501.077	37,59%
Doanh thu thuần	326.146.375	384.140.361	17,78%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.692.621	9.794.443	1,05%
Lợi nhuận từ hoạt động khác	636.840	2.362.873	271,03%
Lợi nhuận thuần sau thuế	7.635.803	10.195.693	33,52%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	20%	20%	

(Nguồn: BCKT năm 2008, 2009)

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

• Thuận lợi:

- Hơn 25 năm hình thành và phát triển Seameco đã tạo được vị trí vững vàng so với các công ty trong cùng ngành và được đông đảo khách hàng biết đến. Là cơ hội cho việc phát triển khách hàng và tăng trưởng doanh thu cho Công ty.
- Với sự quan tâm và chỉ đạo sâu sát của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty cùng tập thể CBCNV năng động, nhiệt tình đã tạo nên sức mạnh tập thể hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh hàng năm đề ra.

• Khó khăn:

- Do ảnh hưởng khủng hoảng nền kinh tế toàn cầu đã tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giá cả vật tư, sắt, thép....biến động cũng ảnh hưởng đến việc đàm phán ký kết hợp đồng với khách hàng gặp nhiều khó khăn.
- Mặt bằng của Công ty còn hạn chế so với nhu cầu tổ chức sản xuất.

8. Vị thế Công ty trong ngành

8.1 Tổng quan về ngành cơ khí tàu thủy

Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn tới năm 2020 được Thủ tướng phê duyệt đã nêu:

- Phát triển ngành công nghiệp tàu thủy Việt Nam theo hướng chuyên ngành kinh tế kỹ thuật đồng bộ, từ nghiên cứu, đào tạo, thiết kế đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đáp ứng nhu cầu đổi mới cơ cấu đội tàu hoạt động trong và ngoài nước. Phấn đấu đến 2012, Việt Nam thành quốc

gia có nền công nghiệp tàu thủy phát triển vào loại trung bình tiên tiến trong khu vực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội đất nước.

- Nhanh chóng hình thành và phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ như sản xuất thép đóng tàu, lắp ráp các động cơ thủy đến 6000 mã lực và chế tạo lắp ráp các thiết bị trên boong, thiết bị điện, điện tử, khí hàng hải nhằm nâng tỷ lệ nội địa hóa lên 60% đối với sản phẩm tàu đóng mới, đến năm 2020 nâng tỷ lệ nội địa hóa lên 70%.

8.2 Vị thế Công ty trong ngành

Hơn 25 năm hình thành và phát triển Seameco ngày càng vững vàng hơn trong các lĩnh vực ngành nghề truyền thống là đóng tàu, sửa chữa tàu biển và kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong nông lâm ngư nghiệp. Bên cạnh đó Công ty còn đa dạng hóa ngành nghề đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu và các dịch vụ cảng biển dựa trên các lợi thế hiện có của Công ty. Trở thành một trong những công ty hàng đầu trong cùng ngành.

8.3 Tầm nhìn và định hướng phát triển

Đến năm 2010, Seameco sẽ trở thành một trong năm doanh nghiệp hàng đầu Việt nam trong mỗi thị trường sản phẩm mà công ty tham gia. Thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đa dạng với chất lượng thỏa mãn nhu cầu của khách hàng mục tiêu. Công ty sẽ hoạt động và sử dụng vốn hiệu quả nhằm tạo lợi nhuận cao nhất cho cổ đông, tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

9. Chính sách với người lao động

9.1 Cơ cấu lao động

Tổng số CBCNV trong Công ty tính đến ngày 31/12/2009 là 295 người. Trong đó, cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

- Lao động có trình độ trên đại học: 4 người
- Lao động có trình độ đại học: 45 người (trong đó kỹ sư là 25 người)
- Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp 61 người
- Lao động có tay nghề 160 người
- Lao động phổ thông 25 người

Thu nhập bình quân: 4.400.000 VND/tháng/người.

9.2 Chính sách với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển. Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách hợp lý với người lao động và tuân thủ theo qui định hiện hành.

• Chế độ làm việc

- **Thời gian làm việc:** Nhân viên Seameco làm việc 8 giờ trong một ngày (không tính thời gian nghỉ trưa) và 5,5 ngày trong tuần trừ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật.
- **Nghỉ phép, nghỉ tết, nghỉ lễ:**
Hàng năm nhân viên được nghỉ làm việc và hưởng nguyên lương trong những ngày Lễ, Tết:
 - Tết dương lịch: 1 ngày (1/1)

- Tết âm lịch: 4 ngày (01 ngày cuối năm và 03 ngày đầu năm âm lịch)
- Kỷ niệm 30/4: 1 ngày (30/04)
- Quốc tế lao động: 1 ngày (1/5)
- Quốc Khánh: 1 ngày (2/9)
- Ngày giỗ tổ Hùng Vương: 1 ngày (10/3 âm lịch)

Những ngày trên nếu trùng vào ngày nghỉ hàng tuần thì nhân viên sẽ nghỉ bù vào ngày tiếp theo.

Nhân viên Seameco được hưởng thời gian nghỉ phép 12 ngày trong một năm giữ nguyên lương.

Nhân viên nữ được nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của Luật lao động.

Nhân viên Seameco kết hôn được nghỉ theo quy định của Luật lao động.

Nhân viên Seameco khi có tang lễ được nghỉ theo quy định của Luật lao động.

Hàng năm toàn bộ người lao động mà Seameco đã ký hợp đồng đều được hưởng các chế độ chính sách theo qui chế của Công ty.

- **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

- **Tuyển dụng:** Công ty có hệ thống theo qui trình tuyển dụng của ISO 9001:2008.
- **Đào tạo**
 - Nhân viên Seameco được khuyến khích tinh thần học hỏi liên tục.
 - Nhân viên Seameco được Công ty tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo các kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và các kỹ năng phù hợp với yêu cầu công việc và mục tiêu thăng tiến trong Công ty.
 - Nhân viên có nhu cầu theo học các khóa học bên ngoài không do bộ phận cử đi có thể làm đề nghị hỗ trợ kinh phí, ban lãnh đạo sẽ xem xét và duyệt từng trường hợp cụ thể.

- **Chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn cho người lao động**

- Bảo hiểm nhà nước: Nhân viên Seameco được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định của nhà nước khi ký hợp đồng lao động chính thức.
- Công ty căn cứ theo mức lương nhà nước (bao gồm ngạch, bậc, hệ số lương dựa trên công việc được giao) là cơ sở để các định mức đóng BHXH, BHYT, BHTN đồng thời cũng là cơ sở để xác định các quyền lợi như lương hưu, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, khám chữa bệnh.
- Tổng mức đóng BHXH và BHYT, BHTN hàng tháng là 28.5% (Trong đó BHXH: 22%, BHYT: 4.5%, BHTN: 2%) theo mức lương nhà nước trong đó CBNV đóng 8.5% (khấu trừ từ lương) và Công ty đóng 20%.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty cổ phần, ĐHCĐ quyết định trả cổ tức cho các cổ đông trên cơ sở vốn góp sau khi quyết toán, trích lập vào các quỹ và thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định công ty vẫn thanh

toàn đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn đảm bảo đủ vốn cho hoạt động Công ty.

Mức chi trả cổ tức sẽ được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở mức lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trích lập các quỹ.

- Tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông năm 2008 và năm 2009 là 20%.
- Dự kiến sau khi chuyển sang công ty cổ phần mức chi trả cổ tức cho cổ đông trong giai đoạn 2010 – 2012 là 20%/năm.

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VND). Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Trích khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03-25
Máy móc, thiết bị	03-06
Phương tiện vận tải	04-10
Thiết bị quản lý	04

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Hiện tại, Công ty không có các khoản nợ quá hạn, các khoản nợ phải trả của công ty được thanh toán đúng hạn.

- **Tình hình nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước**

Đơn vị: 1.000 VND

Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.036.693	649.871	14.632
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	245.531	-	70.476
Thuế xuất nhập khẩu	26.564	-	31.803
Thuế thu nhập DN	2.693.658	1.894.852	2.770.850
Thuế nhà đất	500.000	400.000	1.014.182
Thuế thu nhập cá nhân	105.818	23.387	26.951
Tổng cộng	4.608.264	2.968.110	3.928.894

(Nguồn: BCKT năm 2008, 2009, BCTC 6T/2010)

Các loại thuế phải nộp theo Luật định Công ty đã thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho Cơ quan thuế đúng hạn.

- **Trích lập các quỹ theo luật định:**

Seameco trích lập các quỹ theo đúng qui định trong Điều lệ Công ty. Theo Điều lệ Công ty, hàng năm Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Chi tiết các quỹ

Đơn vị: 1.000 VND

Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Lợi nhuận	7.635.803	10.195.693	4.864.961
Quỹ dự phòng tài chính	217.137	598.926	1.618.495
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	375.582	76.008	758.396

(Nguồn: BCKT năm 2008, 2009, BCTC 6T/2010)

- **Tổng nợ phải trả của Seameco trong 03 năm gần nhất**

Nợ phải trả trong năm 2008 và năm 2009 và 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị: 1.000 VND

Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Nợ ngắn hạn	128.331.758	188.279.516	160.254.376
Nợ dài hạn	11.387.578	11.415.014	11.400.072
Tổng cộng	139.719.336	199.694.530	171.654.449

(Nguồn: BCKT năm 2008, 2009, BCTC 6T/2010)

Chi tiết các khoản vay của Công ty

Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Vay ngắn hạn	93.035.284	127.139.516	114.699.000
Ngân hàng Công Thương –CN I	26.601.284	13.985.000	31.477.000
Ngân hàng NN&PTNT	66.434.000	113.154.516	83.222.000
Vay dài hạn	11.297.000	11.297.000	11.297.000
Ngân hàng Công Thương – CN I	-	-	-

Ngân hàng Công Thương – SGD II	-	-	
Tổng Công ty Hải Sản Biển Đông	11.297.000	11.297.000	11.297.000
Tổng cộng	104.332.284	138.436.516	125.996.000

(Nguồn: BCKT năm 2008, 2009, BCTC 6T/2010)

Seameco luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ vay theo như cam kết ghi trong hợp đồng tín dụng. Do vậy, đến thời điểm hiện nay Seameco không có các khoản vay nào thuộc diện quá hạn.

- Tình hình công nợ hiện nay:**

Tình hình công nợ phải thu năm 2008, 2009 và 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị: 1.000 VND

	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Phải thu từ khách hàng	106.150.362	171.418.670	160.034.109
Trả trước cho người bán	292.622	374.428	612.593
Phải thu khác	5.499.049	1.750.056	881.386
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng	111.942.033	173.543.154	161.528.089

(Nguồn: BCKT năm 2008, 2009, BCTC 6T/2010)

Tình hình công nợ phải trả năm 2008, 2009 và 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị: 1.000 VND

	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Vay và nợ ngắn hạn	93.035.284	127.139.516	114.699.000
Phải trả người bán	12.604.552	24.932.004	17.076.222
Người mua trả tiền trước	8.459.965	2.983.711	3.383.339
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	4.608.264	2.968.110	3.928.894
Các khoản phải trả khác	8.757.655	28.378.455	20.788.269
Phải trả nội bộ	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	11.297.000	11.297.000	11.297.000
Dự phòng trợ cấp việc làm	55.078	82.514	67.572
Tổng cộng	138.817.798	197.781.310	171.240.296

(Nguồn: BCKT năm 2008, 2009, BCTC 6T/2010)

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	2008	2009
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,09	1,11
Hệ số thanh toán nhanh	0,90	0,95
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	0,78	0,81
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,48	4,18
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	8,84	12,78
Vòng quay tài sản	1,81	1,55
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,34%	2,65%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,19%	21,36%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,24%	4,12%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	2,97%	2,55%

(Nguồn: BCKT năm 2008, 2009)

Nhìn chung các hệ số tài chính của Công ty trong thời gian qua là khá tốt, thể hiện rõ nhất ở các hệ số thanh toán, hệ số vòng quay hàng tồn kho các hệ số sinh lời.

Hệ số thanh toán giữa các kỳ đều lớn hơn 1 và năm sau cao hơn năm trước điều này cho thấy Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán tốt.

Hệ số vòng quay hàng tồn kho năm 2009 là 12,78 vòng, năm 2008 là 8,84 vòng, năm 2007 là 4,77 vòng cho thấy công tác quản lý hàng tồn kho của Công ty là rất tốt điều này làm tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hệ số về khả năng sinh lời đều ổn định và tăng trưởng qua các thời kỳ, đặc biệt là hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2009 tăng lên 21% tăng cao hơn năm 2008 là 19,19% điều này cho thấy tỷ suất sinh lời từ đồng vốn đầu tư là rất hiệu quả.

Riêng hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu là hơi cao so với trung bình ngành, cho thấy Công ty đã tận dụng triệt để đòn bẩy tài chính cao trong hoạt động kinh doanh của mình. Trong thời điểm hiện nay kết quả kinh doanh của Công ty là rất tốt nên việc sử dụng đòn bẩy tài chính cao sẽ mang lại lợi nhuận lớn cho Công ty và các cổ đông. Ngược lại nếu hoạt động kinh doanh mà không hiệu quả thì việc sử dụng hệ số nợ/vốn chủ sở hữu cao sẽ là bất lợi. Năm 2009 Công ty đã hoàn

thành các thủ tục tăng vốn điều lệ lên 42 tỷ đồng tuy nhiên hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu vẫn hiện ở mức tương đối cao.

11.3 Ý kiến của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2009

Ngoại trừ hạn chế do Kiểm toán viên không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2009 và ngoại trừ việc Công ty chưa trích khấu hao tài sản cố định đối với các tài sản khu đất Long Điền và hạ tầng cơ sở diện tích 13.127 m² tại cảng Biển Đông với tổng nguyên giá đang ghi nhận trên sổ sách là 5.434.534.748 VND, khấu hao lũy kế từ thời điểm chuyển sang cổ phần đến thời điểm 31/12/2009 chưa được ghi nhận với tổng giá trị là 689.417.666 VND có thể ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghiệp Thủy Sản tại thời điểm 31/12/2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan.

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị

1. Ông Nguyễn Hữu Lộc

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số chứng minh thư nhân dân	022439689 cấp ngày 8/5/2003 Tại CA Tp. HCM
Giới tính	Nam
Ngày sinh	20/2/1959
Nơi sinh	Gia Lai
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	33/9 Điện Biên Phủ, P15, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	08 3914 0958
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ kỹ thuật
Quá trình công tác	Năm 1997 – 2000: Giám đốc Công ty Công nghiệp Thủy Sản. Năm 2000 – 2004: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hải Sản Biển Đông kiêm Giám đốc Công ty Công nghiệp Thủy sản. Năm 2006 – nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng

	Công ty Hải Sản Biển Đông kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.
Chức vụ công tác hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hải Sản Biển Đông
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	
+Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	3.986 cp (chiếm 0,09%)
+Số cổ phần đại diện cho nhà nước	1.947.000 cp (chiếm 46,36%)
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan	
+Vợ Vũ Thị Tuyết Cẩm	206.967 cp (chiếm 4,93%)
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không

2. Bà Bùi Thị Tuyết Mai**Thành viên Hội đồng quản trị**

Số chứng minh thư nhân dân	025111618 ngày 23/04/2009 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	19/11/1962
Nơi sinh	Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hải Phòng
Địa chỉ thường trú	RR11, Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, P15, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc tại cơ quan	08 3914 0958
Trình độ học vấn	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	Năm 1985 - tháng 10/1989: Nhân viên tại Xí nghiệp Quốc Doanh Đồ Gỗ Tp. Cần Thơ. Tháng 10/1989- 2001: Cán bộ kế hoạch, kế toán viên Công ty Công nghiệp Thủy Sản. Năm 2001-2004: Phó phòng kế toán Công ty Công nghiệp Thủy Sản.

	Năm 2005-2006: Kế toán trưởng Công ty Công nghiệp Thủy Sản.
	Năm 2007 - Tháng 4/2009: Kế toán trưởng kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.
	Tháng 5/2009 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	55.000 cp (chiếm 1,31%)
+Số cổ phần đại diện cho nhà nước	Không
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

3. Ông Trần Vũ Dũng:**Thành viên Hội đồng quản trị**

Số chứng minh thư nhân dân	022471068 cấp ngày 7/04/2004 tại CA Tp. HCM
Giới tính	Nam
Ngày sinh	14/6/1971
Nơi sinh	Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thái Bình
Địa chỉ thường trú	51/35 Lương Ngọc Quyến, P5, Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.
Số điện thoại liên hệ tại cơ quan	08. 3512 9065
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác	Từ năm 1997 đến năm 2007: Giám đốc trung tâm xuất nhập khẩu Công ty Kinh doanh Xuất nhập khẩu

Thủy Sản.

Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Biển Tây.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	303.518 cp (chiếm 7,23%)
+Số cổ phần sở hữu đại diện vốn nhà nước	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không

4. Bà Bùi Thị Nga**Thành viên Hội đồng quản trị**

Số chứng minh thư nhân dân	020162806 cấp ngày 31/7/1999 tại CA Tp.HCM
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	15/03/1951
Nơi sinh	Quảng Ngãi
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	100 Hồ Biểu Chánh, P11, Q.Phú Nhuận, Tp. HCM
Số liên hệ tại cơ quan	08.3872 3208
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	Năm 1989: Giáo viên Trường Đại học Nông Lâm, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. Năm 1991-1993: Trưởng phòng Tổ chức - Công ty Cơ Khí Thủy Sản III 1994-2001: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cơ khí Thủy sản III nay là Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản. Năm 2002- T4/2007: Phó Giám đốc Công ty Công

	nghiệp Thủy Sản. Tháng 5/2007 – tháng 4/2009 Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	
+Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	55.000 cp (chiếm 1,31%)
+Số cổ phần đại diện cho nhà nước	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

5. Ông Trương Tùng Hưng:**Thành viên Hội đồng quản trị**

Số chứng minh thư nhân dân	025005777 cấp ngày 3/12/2008 tại CA Tp.HCM
Giới tính	Nam
Ngày sinh	04/08/1973
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	391/20 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.
Số liên lạc tại cơ quan	08.3872 3208
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	Năm 1997 – 1999: Nhân viên Phòng vỏ tàu Công ty TNHH tàu biển HyunDai – Vinashin. Năm 1999 – 2001: Nhân viên kinh doanh Trung tâm Máy Công ty Cơ khí Thủy Sản 3. Năm 2001 – 2004: Nhân viên phòng kế hoạch Công ty

Cơ khí Thủy Sản 3.

Năm 2004 – 2006: Nhân viên kỹ thuật Xưởng cơ khí Công ty Công nghiệp Thủy Sản.

Năm 2006 – 2007: Phó quản đốc Xưởng cơ khí – Công ty Công nghiệp Thủy Sản.

Năm 2007 – 2008: Phó Giám đốc Xí nghiệp Đóng tàu Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.

Năm 2008 – 2009 Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Năm 2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.

Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.
Chức vụ năm giữ ở tổ chức khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	
+Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	16.000 cp (chiếm 0,38%)
+Số cổ phần đại diện cho nhà nước	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty (nếu có)	Không

12.2 Ban Tổng Giám đốc

- Bà Bùi Thị Tuyết Mai – Tổng Giám đốc:** *Lý lịch đã nêu ở trên.*
- Ông Trương Tùng Hưng – Phó Tổng Giám đốc:** *Lý lịch đã nêu ở trên*
- Ông Nguyễn Bấy – Phó Tổng Giám đốc**

Số chứng minh thư nhân dân	02249998 cấp ngày 4/1/1996 tại CA Tp.HCM
Giới tính	Nam
Ngày sinh	18/8/1959
Nơi sinh	Bình Định

Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	194/8B Phó Cơ Điều, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.
Số điện thoại liên lạc tại cơ quan	08. 3872 9752
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	<p>Năm 1983 – 1986: Nhân viên kỹ thuật Xí nghiệp Đóng tàu và Quốc doanh đánh cá thuộc Sở Thủy sản Cửu Long tại Thị xã Trà Vinh. tỉnh Cửu Long.</p> <p>Năm 1986 – 1990: Nhân viên kỹ thuật phòng thiết kế - Công ty Cơ khí Thủy sản III.</p> <p>Năm 1990-1997: Nhân viên kinh doanh Trung tâm máy – Công ty Cơ khí Thủy Sản III</p> <p>Năm 1998 – 1999: Phó phòng kinh doanh Trung tâm máy- Công ty cơ khí Thủy sản III.</p> <p>Năm 2000: Phó Giám đốc Trung tâm máy Công ty Cơ khí Thủy Sản III.</p> <p>Năm 2001 – 2002: Phó phòng kế hoạch Công ty Cơ khí Thủy Sản III đổi tên thành Công ty Công Nghiệp Thủy Sản.</p> <p>Năm 2003-2004: Trưởng phòng kế hoạch Công ty Công Nghiệp Thủy Sản.</p> <p>Năm 2004-2006: Phó Giám đốc Công ty Công Nghiệp Thủy Sản.</p> <p>Năm 2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Công Nghiệp Thủy Sản.</p>
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp Thủy Sản.
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	
+Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	3.986 cp (chiếm 0,09%)
+Số cổ phần đại diện cho nhà nước	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không

Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Không

12.3 Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Văn Tân– Trưởng ban Kiểm soát

Số chứng minh thư nhân dân	023944580 cấp ngày 7/8/2001 tại CA Tp.HCM
Giới tính	Nam
Ngày sinh	20/12/1958
Nơi sinh	Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Quảng Nam
Địa chỉ thường trú	121/26 Lê Thị Riêng, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
Số điện thoại liên hệ tại cơ quan	08. 3838 6437
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác Thủy Sản, Cử nhân ngoại thương
Quá trình công tác	Năm 1982 – 1990: Phó Giám đốc Xí nghiệp cung ứng dịch vụ Thủy Sản Chiến Thắng. Năm 1991 – 1997: Phó Giám đốc Công ty Thủy Sản Chiến Thắng. Năm 1998 – 1999: Giám đốc Công ty Thủy Sản Chiến Thắng. Năm 2000 – 2005: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông kiêm Giám đốc Công ty Thủy Sản Chiến Thắng. Năm 2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.
Chức vụ công tác ở tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	
+Số cổ phần nắm giữ của cá	34.500 cp (chiếm tỷ lệ 0,82%)

nhân

+Số cổ phần đại diện cho nhà nước Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan

+ Em Nguyễn Thị Thu Vân 17.000 cp (chiếm 0,40%)

+ Em trai Nguyễn Văn Sang 27.000 cp (chiếm 0,64%)

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) Không

Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty Không

2. Tổng Thị Ngọc Oanh – Thành viên ban kiểm soát

Số chứng minh thư nhân dân 023185739 cấp ngày 19/4/2004 tại CA Tp.HCM

Giới tính Nữ

Ngày sinh 19/09/1968

Nơi sinh Yên Bái

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Quê quán Hà Nam

Địa chỉ thường trú 116 Nơ Trang Long, P14, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại liên hệ tại cơ quan 08 39140958

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác Năm 1988 – 1995: Kế toán Công ty Sản xuất Dịch vụ XNK Khoa Học & Kỹ Thuật.

Năm 1995 – 2002: Kế toán trưởng Công ty TNHH Xây dựng điện Thương mại Phương Đông.

Năm 2002 – tháng 4/2009: kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.

Tháng 4/2009 – nay: thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.

Chức vụ công tác hiện nay Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghiệp

Thủy Sản.

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Tỷ lệ chứng khoán nắm giữ	
+Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	24.165 cp (chiếm 0,58%)
+Số cổ phần đại diện cho nhà nước	Không
Tỷ lệ chứng khoán nắm giữ của người có liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không

3. Nguyễn Trường Văn – Thành viên ban kiểm soát

Số chứng minh thư nhân dân	024908192 cấp ngày 26/2/2008 tại CATp. HCM
Giới tính	Nam
Ngày sinh	19/06/1972
Nơi sinh	Khánh Hòa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Khánh Hoà
Địa chỉ thường trú	Cao ốc An Lạc, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên hệ tại cơ quan	08. 3838 6461
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí tàu thuyền
Quá trình công tác	Năm 1997-1998: Nhân viên Công ty Cơ khí Thủy Sản III nay là Công ty cổ phần Công Nghiệp Thủy Sản. Năm 1999 – 2007: Trưởng trạm dịch vụ - Bảo hành Cà Mau- Công ty cổ phần Công Nghiệp Thủy Sản. Năm 2008 đến nay: Trưởng phòng nghiên cứu và Phát triển thị trường – Công ty cổ phần Công Nghiệp Thủy Sản.

Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên ban kiểm soát
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	
+Số cổ phần sở hữu của cá nhân	4.000 cp chiếm tỷ lệ 0,10%)
+Số cổ phần sở hữu đại diện vốn nhà nước	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không

12.4 Kế toán trưởng: Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa

Số chứng minh thư nhân dân	022417960 cấp ngày 7/3/2006 tại CA Tp.HCM
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	02/08/1969
Nơi sinh	Sài Gòn
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú	37A Cô Bắc, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
Số điện thoại liên lạc tại cơ quan	08. 3821 6766
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	Năm 1993 – 1994: Nhân viên phòng kế hoạch Công ty Cơ Khí Thủy Sản. Năm 1995 – tháng 8/2007: Nhân viên phòng kế toán Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản. Tháng 9/2007 – tháng 4/2009: Phó phòng tài chính Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản. Từ tháng 5/2009 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.

Chức vụ công tác hiện nay	Kế toán Trưởng Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	
+Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	53.250 cp (chiếm 1,27%)
+Số cổ phần đại diện cho nhà nước	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan:	
Chồng Trần Ngọc Tuấn	2.200 cp (chiếm tỷ lệ 0,05%)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không

13. Tài sản

Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 30/6/2010

Đơn vị: 1.000 VND

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	51.367.148	22.615.577	28.751.571
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	43.152.082	18.958.321	24.193.761
Máy móc thiết bị	2.333.714	1.753.251	580.463
Phương tiện vận tải	5.605.787	1.725.870	3.879.917
Tài sản cố định khác	275.565	178.135	97.430

(Nguồn: BCTC 6T/2010)

Tình hình đất đai của Công ty tại thời điểm 31/12/2009

	Địa chỉ	Hình thức sử dụng	Diện tích	Mục đích sử dụng
1	10F Bùi Văn Ba, P.TTĐ, Q.7, Tp.HCM	Đất thuê Nhà nước	20.731,4m ²	Sản xuất kinh doanh
2	10F Bùi Văn Ba, P.TTĐ, Q.7, Tp.HCM	Đất thuê Nhà nước	13.127,6m ²	Sản xuất kinh doanh
3	Thị trấn Long Điền, H.Long Điền, T.Bà Rịa-Vũng Tàu	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	3.514,4m ²	Sản xuất kinh doanh

(Nguồn: Seameco)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010

Tiếp tục phát huy những lợi thế sẵn có của Công ty để duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cao hơn tốc độ tăng của các năm trước. Seameco đẩy mạnh mảng kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn Thủy sản – gia súc và kinh doanh dịch vụ cảng biển, đây là hoạt động thu được lợi nhuận cao đồng thời phát triển mảng cơ khí đóng sửa tàu thuyền truyền thống. Mục tiêu hoạt động của Seameco trong lĩnh vực đóng sửa tàu thuyền trong những năm tới như sau:

- Tổ chức nghiên cứu, thiết kế, đóng mới và sửa chữa các loại tàu thuyền.
- Sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí phục vụ công tác đóng sửa tàu thuyền: hệ thống tời, neo; hệ thống lái; hệ trục chân vịt; hệ cần câu.
- Sản xuất lắp đặt các loại máy trang thiết bị động lực: bơm nước, máy phát điện, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng...
- Sản xuất các sản phẩm composite: Tàu vớt rác, tàu và canô du lịch, tàu và canô tuần tra, canô cứu hỏa, tắc rang, bồn chứa công nghiệp, két nước, nhà vệ sinh lưu động, kệ chứa hàng, phao bè.

Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2010

Đơn vị tính: 1.000 VND

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Tỷ lệ tăng/giảm 2010/2009
Doanh thu thuần	384.140.361	420.000.000	9%
Lợi nhuận sau thuế	10.195.693	9.525.000	(7%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,65%	2,27	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ điều lệ	24,28%	22,68%	-
Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	20%	20%	-

(Nguồn :Seameco)

Kế hoạch tăng vốn: Trong năm 2010 Công ty chưa có kế hoạch tăng vốn điều lệ.

Các giải pháp thực hiện

• *Củng cố phát triển khách hàng*

Thực hiện phân loại khách hàng, bạn hàng để xây dựng chính sách thống nhất cho khách hàng, có quy định chế độ ưu đãi đối với khách hàng có uy tín, gắn bó với Công ty và những bạn hàng chiến lược. Duy trì, phát triển quan hệ với khách hàng lâu năm, kinh doanh những mặt hàng và loại dịch vụ truyền thống đồng thời đẩy mạnh phát triển kinh doanh xuất nhập khẩu và các hoạt động dịch vụ cảng biển.

- *Chiến lược Marketing*

Đội ngũ nhân viên kinh doanh thương mại không ngừng tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu và xu hướng thị trường để từ đó vạch ra chiến lược kinh doanh phù hợp với mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty.

- *Từng bước chủ động về vốn*

Là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp tàu thủy, kinh doanh xuất nhập khẩu và các dịch vụ cảng biển nên nhu cầu về vốn lưu động của công ty là rất lớn. Ngoài sự hỗ trợ rất lớn nguồn vốn đi vay từ phía ngân hàng Công ty cũng luôn tìm cách để nâng cao sự chủ động về vốn nhằm nhanh chóng chớp được các cơ hội kinh doanh.

Công ty luôn nỗ lực trong việc tính toán phân bổ nguồn vốn một cách hợp lý, phân đầu tăng vòng quay vốn giảm tối đa công nợ, hàng tồn kho, giữ vững quan hệ, uy tín với các ngân hàng.

- *Đào tạo và phát triển nhân lực*

Có kế hoạch đào tạo, tuyển dụng nhân viên năng động, nhiệt tình có trình độ. Có chính sách đãi ngộ hợp lý với người lao động trên cơ sở chất lượng và hiệu quả nhằm khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn cao, kinh doanh tốt.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần)

3. Tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch

Tổng số cổ phiếu dự kiến đăng ký giao dịch: **4.200.000** cổ phần

4. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009:

+ Vốn chủ sở hữu: 47.730.538.536 VND

+ Số lượng cổ phiếu thực tế đang lưu hành: 4.064.700

+ Giá trị sổ sách = $\frac{47.730.538.536}{4.064.700} = 11.743$ VND

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ban hành ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

6. Các loại thuế có liên quan

Theo luật định thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25% kể từ năm 2009.

Thuế Giá trị gia tăng: tùy từng mặt hàng cụ thể chịu thuế suất thuế GTGT là 5% hoặc 10%.

Các loại thuế khác tuân thủ các luật thuế hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**1. Tổ chức kiểm toán****Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Đất Việt (Vietland)**

Trụ sở: Số 2 Huỳnh Khương Ninh, Phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3910 5401

Fax: (08) 3910 5402

Website: www.vietlandaudit.com.vn

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3.773 7070 / 6.271 7171

Fax: (84-4) 3.773 9058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6.290 8686

Fax: (84-8) 6.291 0607

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**
2. **Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty**
3. **Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC 6T/2010**
4. **Phụ lục IV: Hợp đồng cam kết hỗ trợ thông tin**
5. **Các phụ lục khác**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2010

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Lộc

Bùi Thị Tuyết Mai

Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa

**TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH**

Giám đốc

Lê Đỗ Tuấn